

Bản án số: **24/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: **30/7/2021.**

"Về việc tranh chấp Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thùy Liễu** và bà **Nguyễn Thị**

Bích Thảo

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký
Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia
phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXX ngày 02/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐXX ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Vũ Văn L**, sinh năm 1967

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị L1**, sinh năm 1963

Đều đăng ký hộ khẩu và trú tại: Đội 13, Xóm ĐK, thôn HX 3, xã Quyết T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Ông L và bà L1 đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông **Vũ Văn L** trình bày: Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà **Phạm Thị L1** có được tự do tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quyết T, huyện Th (Nay là thành phố Hải Dương), tỉnh Hải Dương vào ngày 28/8/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về phong cách sống, về cách giáo dục các con chung nên trong cuộc sống hàng ngày thường xảy ra việc

tranh cãi, gây mệt mỏi về tinh thần, đi làm về đến nhà là mẹ con bà L1 lại đưa ra hết chuyện nọ đến chuyện kia, nói rất nhiều. Khiến ông không thể chịu đựng được và mâu thuẫn vợ chồng xảy ra liên tục và kéo dài nhiều ngày, không ai nói với ai. Mặc dù ở chung một nhà nhưng không ăn chung, không ngủ chung từ năm 2017 cho đến nay. Việc vợ chồng mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau cả khu dân cư ai cũng biết, hai bên gia đình đều biết và can ngăn. Đại diện trưởng thôn và phụ nữ thôn HX 3 đến khuyên giải cả vợ chồng nhưng thực tế cả hai đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể cải thiện được tình trạng mâu thuẫn gia đình. Chính quyền địa phương cũng biết rõ vợ chồng mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay, ông khẳng định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân không có hạnh phúc này thêm được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L1 để giải thoát cho cả hai người không ai bị áp lực tinh thần nữa; Về con chung: Ông L xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Văn N, sinh ngày 23/6/1990 và Vũ Văn L2, sinh 01/9/1997. Các con ông đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại Đội 13, Xóm ĐK, thôn HX 3, xã Quyết T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án này; Về tài sản riêng, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Ông xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là bà Phạm Thị L1 trình bày: Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày của ông L. Bà xác định vợ chồng bà được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quyết T vào năm 1989. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nhưng đến mức trầm trọng từ năm 2017, vì vậy vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân ông bà không nhìn mặt nhau, bà khẳng định không còn tình vợ chồng với ông L nên ông L xin ly hôn bà hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên, bà từ chối không tham gia tố tụng tại Tòa án, đề nghị Tòa án không hòa giải, bà xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa vì bà không muốn nhìn thấy mặt ông L. Về con chung: Bà L1 xác định vợ chồng có 02 con chung đều đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản: Bà L1 xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại Đội 13, Xóm ĐK, thôn HX 3, xã Quyết T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nhưng bà không yêu cầu

Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án này. Ngoài ra bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Theo các biên bản xác minh tại UBND xã Quyết T, thành phố Hải Dương: Đại diện chính quyền địa phương đều xác định ông Vũ Văn L và bà Phạm Thị L1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quyết T vào năm 1989. Sau khi kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống tại địa phương đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, khu dân cư phải động viên, can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không cải thiện được tình cảm. Do vậy, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, ông L bỏ đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà thăm con cháu. Đại diện các tổ chức xã hội tại địa phương đều xác định vợ chồng ông L bà L1 không hạnh phúc, sống ly thân nhiều năm, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định pháp luật. Vợ chồng ông L bà L1 có 02 con đều đã trưởng thành, vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại địa phương do bà L1 đang quản lý sử dụng.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông L giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án xử cho ông được ly hôn với bà L1. Ngoài ra ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Dương tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 BLTTDS; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của BLTTDS và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Vũ Văn L, cho ông L được ly hôn với bà Phạm Thị L1; Về án phí: Ông L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Phạm Thị L1 hiện cư trú tại Đội 13, Xóm ĐK, thôn HX 3, xã Quyết T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L1 đã được Tòa án giấy triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông L, bà L1 là phù hợp qui định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Ông Vũ Văn L và bà Phạm Thị L1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quyết T, huyện Th, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/8/1989. Do vậy, quan hệ của ông L và bà L1 là hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Trong suốt thời gian vợ chồng ly thân, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có trách nhiệm gì với nhau. Xác minh tại chính quyền địa phương đều thể hiện quá trình chung sống vợ chồng ông L và bà L1 có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống. Bà L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng từ chối tham gia tố tụng, đề nghị không hòa giải, bà xin vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa với lý do không muốn nhìn thấy mặt ông L. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, ông L và bà L1 không thực hiện được các nghĩa vụ trên nên cần xử cho ông L được ly hôn bà L1 là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Xác định vợ chồng ông L, bà L1 có 02 con chung là Vũ Văn N, sinh ngày 23/6/1990 và Vũ Văn L2, sinh 01/9/1997. Các

con đều đã trưởng thành, ông L và bà L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết .

[4]*Về tài sản chung*: Ông L xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ Đội 13, Xóm ĐK, thôn HX 3, xã Quyết T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, ông L và bà L1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]*Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình*: Ông L và bà L1 khẳng định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]*Về án phí*: Ông Vũ Văn L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho ông Vũ Văn L ly hôn bà Phạm Thị L1.

2. *Về án phí*: Ông Vũ Văn L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0005200 ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ông L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (ông L) và bị đơn (bà L1) đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

N-i nhỄn:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THA d©n sự TP Hải Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Quyết T, TP Hải Dương,
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**Tm. Húi Ờảng xĐt sơ thẩm
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Trương Thị Tố Uyên